

Số: 06 /2000/QĐ-BTCCBCP

Hà Nội, ngày 31 tháng 1 năm 2000

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG, TRƯỞNG BAN
BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ
Về việc phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi)
Hội Hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản**

BỘ TRƯỞNG, TRƯỞNG BAN BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội,

- Căn cứ Nghị định 181/CP ngày 9/11/1994 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

- Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 02/03/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc uỷ nhiệm Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ cho phép thành lập Hội,

- Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV thông qua ngày 17 tháng 12 năm 1999.

Điều 2: Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./

**K/T BỘ TRƯỞNG , TRƯỞNG BAN
BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- Lưu VT, TCPCP.

Từ



Thang Văn Phúc

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đ I Ề U L Ệ
HỘI HỮU NGHỊ VIỆT NAM - NHẬT BẢN

Chương I
Mục đích, chức năng và nhiệm vụ

Điều 1 : Hội hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản là thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, hoạt động trên cơ sở tuân thủ pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, theo Điều lệ của Hội và Điều lệ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Hội hoạt động trên phạm vi cả nước và có trụ sở tại Hà Nội.

Hội là một tổ chức có tư cách pháp nhân, có tài sản, tài khoản và con dấu riêng.

Điều 2 : Hội hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản hoạt động nhằm tăng cường và mở rộng quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Nhật Bản, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của các tầng lớp nhân dân Nhật Bản đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam, góp phần thúc đẩy quan hệ đối ngoại giữa hai nước.

Điều 3 : Hội hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản có những nhiệm vụ sau :

1) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội ở trong nước tiến hành các hoạt động nhằm phát triển quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Nhật Bản theo đường lối đối ngoại của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2) Góp phần tuyên truyền, giới thiệu với nhân dân Nhật Bản về Việt Nam, về đường lối chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

3) Góp phần thông tin kịp thời cho nhân dân Việt Nam về Nhật Bản.

4) Xây dựng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tổ chức hữu nghị của nhân dân Nhật Bản với Việt Nam và các tổ chức chính trị, xã hội khác

của Nhật Bản thông qua các hoạt động trao đổi đoàn và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

5) Hỗ trợ và làm cầu nối thúc đẩy các quan hệ giao lưu, hợp tác về văn hoá, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, kinh tế thương mại, thể thao du lịch, hoạt động nhân đạo giữa các tổ chức của Việt Nam với các đối tác Nhật Bản.

Chương II

Hội viên - Thành viên

Điều 4 : Những tổ chức, công dân Việt Nam tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập và được Ban Thường vụ của Ban chấp hành Hội đồng ý, sẽ được công nhận là tổ chức thành viên hoặc hội viên của Hội.

Điều 5 : Các tổ chức thành viên, hội viên có nhiệm vụ :

1) Chấp hành Điều lệ và thực hiện các nghị quyết của Hội, tích cực tham gia các hoạt động của Hội nhằm gìn giữ và phát triển tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Nhật Bản.

2) Tuyên truyền rộng rãi mục đích, tôn chỉ và Điều lệ của Hội trong nhân dân Việt Nam để thu hút hội viên mới và mở rộng phạm vi hoạt động của Hội.

3) Đóng hội phí theo quy định.

Điều 6 : Các tổ chức thành viên, hội viên có quyền :

1) Ứng cử và bầu cử vào cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội.

2) Được tham gia thảo luận, góp ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong các hội nghị về công tác của Hội.

3) Được Hội giúp đỡ và tạo điều kiện tham gia các chương trình, quan hệ hợp tác giao lưu giữa các bên Việt Nam và Nhật Bản.

4) Được quyền xin ra khỏi Hội và được gia nhập Hội khác.

Điều 7 : Việc xoá tên và khai trừ hội viên, tổ chức thành viên.

1) Hội viên, tổ chức thành viên muốn ra khỏi Hội phải có thư thông báo với cấp có thẩm quyền của Hội để xoá tên khỏi danh sách hội viên.

2) Hội viên, tổ chức thành viên hoạt động trái với Điều lệ và Nghị quyết của Hội sẽ bị xoá tên khỏi danh sách hội viên.

Chương III

Nguyên tắc và tổ chức của Hội

Điều 8 : Hội hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản tổ chức theo nguyên tắc dân chủ và hiệp thương thống nhất.

Điều 9 : Cơ cấu tổ chức Hội gồm Hội Trung ương ; ở địa phương, tùy theo yêu cầu và điều kiện cụ thể, nếu có nhu cầu lập Hội, sẽ do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định. Hội Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn Hội địa phương tổ chức Hội và hoạt động, đảm bảo tính thống nhất đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 10 : Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội họp 4 năm một lần. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận báo cáo của Ban chấp hành Trung ương Hội khoá trước, thông qua các Nghị quyết, xem xét sửa đổi Điều lệ và bầu Ban chấp hành khoá mới.

Điều 11 : Ban chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ tổ chức thực hiện Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc và chỉ đạo các hoạt động của Hội trong thời gian giữa hai nhiệm kỳ Đại hội toàn quốc.

Ban chấp hành Trung ương Hội họp mỗi năm một lần để đánh giá công tác hàng năm và đề ra chương trình hoạt động của năm sau. Khi cần thiết, hội nghị Ban chấp hành Trung ương cử bổ sung hoặc cho thôi chức các Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội nhưng không vượt quá 1/4 tổng số Ủy viên do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu ra.

Nguyên tắc làm việc của Ban chấp hành Trung ương Hội là hiệp thương dân chủ và biểu quyết theo đa số quá bán.

Điều 12 : Ban chấp hành Trung ương Hội cử ra Ban thường vụ để chỉ đạo các chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội. Ban thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch và một số Ủy viên. Ban thường vụ họp mỗi quý một lần. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội có thể triệu tập cuộc họp bất thường của Ban thường vụ.

Ban thư ký có nhiệm vụ :

- 1) Giúp Ban thường vụ chuẩn bị nội dung các kỳ họp.
- 2) Giúp Ban thường vụ theo dõi, chỉ đạo giải quyết công việc hàng ngày của Hội, hướng dẫn các thành viên, hội viên triển khai thực hiện các nghị quyết của Ban thường vụ và Ban chấp hành Trung ương Hội.
- 3) Quản lý các hồ sơ tài liệu, tài chính, tài sản của Hội.

Tuỳ theo yêu cầu phát triển của hoạt động giao lưu hợp tác, Ban thường vụ có thể lập các Ban chuyên môn giúp việc để hoạt động chuyên sâu về các lĩnh vực đã nêu tại mục 5/điều 3 của điều lệ và phân công các Ủy viên trong Ban chấp hành Trung ương trực tiếp phụ trách các hoạt động này.

Điều 13 : Chế độ phối hợp công tác trong nội bộ Hội :

+ Trung ương Hội phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ công tác với các Hội thành viên ở các địa phương.

+ Các Hội thành viên ở địa phương chủ động trong các hoạt động theo đúng điều lệ Hội, không trái với nghị quyết của Trung ương Hội, hàng quý báo cáo công tác cho Trung ương Hội. Các Hội thành viên ở địa phương chịu sự chỉ đạo của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị của địa phương mình, hoặc cơ quan ở địa phương được giao trách nhiệm chỉ đạo Hội.

Chương IV

Tài chính và tài sản của Hội

Điều 14 : Tài chính và tài sản của Hội được hình thành từ các nguồn :

- 1) Hội phí và đóng góp tự nguyện của các Hội viên.
- 2) Hỗ trợ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.
- 3) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 15 : Tài chính, tài sản của Hội được chi và sử dụng theo yêu cầu hoạt động của Hội và do Ban chấp hành xem xét quyết định. Ban thường vụ có trách nhiệm chỉ đạo Ban thư ký trong việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Hội. Ban thư ký phải lập sổ sách theo dõi thu chi và thực hiện chế độ báo cáo tài chính định kỳ theo đúng quy định của Hội và Quy chế hiện hành của Nhà nước.

Chương V

Khen thưởng và kỷ luật

Điều 16 : Các tổ chức Hội, tổ chức thành viên và cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động của Hội hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản được Hội khen thưởng, hoặc đề nghị Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam khen thưởng.

Điều 17 : Tổ chức thành viên, hội viên hoạt động trái với Điều lệ và nghị quyết của Hội, tùy theo mức độ có thể bị kỷ luật từ khiển trách đến xóa tên khỏi danh sách hội viên.

Chương VI **Điều khoản thi hành**

Điều 19 : Điều lệ này được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Hội thông qua ngày 17/12/1999 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước công nhận.

Điều 20 : Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội mới có thẩm quyền sửa đổi hoặc bổ sung bản Điều lệ này./.

HỘI